

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính
trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xử lý vi phạm hành chính số 15/2012/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 54/2014/QH13, Luật số 18/2017/QH14, Luật số 67/2020/QH14, Luật số 09/2022/QH15, Luật số 11/2022/QH15, Luật số 56/2024/QH15, Luật số 88/2025/QH15, Luật số 116/2025/QH15 và Luật số 120/2025/QH15;

Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền số 14/2022/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 23/2026/QH16;

Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố số 28/2013/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 14/2022/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược và trò chơi có thưởng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính; hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc và hành vi vi phạm hành chính đang thực hiện; hình thức xử phạt, mức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; đối tượng bị xử phạt; thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính; việc thi hành các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kinh doanh đặt cược, casino và trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với:

a) Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng;

b) Người có thẩm quyền lập biên bản, thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến việc kiểm tra và xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng.

2. Tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này gồm:

a) Doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đua ngựa, đặt cược đua chó và đặt cược bóng đá quốc tế;

b) Doanh nghiệp kinh doanh casino;

c) Doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài;

d) Các tổ chức khác có hành vi vi phạm trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng.

Điều 3. Hình thức xử phạt vi phạm hành chính, biện pháp khắc phục hậu quả

1. Các hình thức xử phạt chính:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền.

2. Các hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược, casino, trò chơi điện tử có thưởng có thời hạn;

b) Tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính.

3. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm d, e và i khoản 1 Điều 28 của Luật Xử lý vi phạm hành chính, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả sau:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh) đã bị tẩy xóa, sửa chữa;

- b) Buộc nộp lại vé đặt cược đã bị sửa chữa, tẩy xóa, bị giả mạo;
- c) Buộc tiêu hủy các vé đặt cược không đúng quy định;
- d) Buộc tiêu hủy các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng, không đúng quy định của pháp luật;
- đ) Buộc khôi phục Điểm kinh doanh casino, Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng (sau đây gọi tắt là Điểm kinh doanh) đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước cấp phép kinh doanh;
- e) Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh;
- g) Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định;
- h) Buộc thực hiện việc trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định của Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược;
- i) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế;
- k) Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật;
- l) Buộc thanh lý hợp đồng đã ký với các cá nhân, tổ chức không đáp ứng đủ điều kiện làm đại lý bán vé đặt cược theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền, nguyên tắc áp dụng hình thức xử phạt vi phạm hành chính, xử phạt vi phạm hành chính trên môi trường điện tử

1. Mức phạt tiền tối đa đối với hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng đối với tổ chức là 200.000.000 đồng và đối với cá nhân là 100.000.000 đồng.
2. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của từng chức danh đối với các hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này áp dụng đối với tổ chức, trừ các hành vi quy định tại Điều 13, Điều 32 và Điều 47 Nghị định này chỉ áp dụng đối với cá nhân. Mức phạt tiền, thẩm quyền phạt tiền và thẩm quyền tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính của từng chức danh đối với cá nhân bằng 1/2 lần đối với tổ chức có cùng một hành vi vi phạm hành chính quy định tại Nghị định này.
3. Tổ chức, cá nhân vi phạm hành chính nhiều lần thì bị xử phạt về từng hành vi vi phạm.

4. Việc xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng trên môi trường điện tử được thực hiện theo quy định tại Điều 18a Luật Xử lý vi phạm hành chính, Điều 28a và Điều 28b Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng là 01 năm.

2. Thời điểm tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm;

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

3. Thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt đối với một số hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại Điều 8, Điều 25 và Điều 40 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm để tính thời hiệu xử phạt là ngày nộp hồ sơ đến Bộ Tài chính;

b) Đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh quy định tại khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 26 và khoản 1 Điều 41 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là thời điểm thực hiện hành vi sửa chữa, tẩy xóa; trường hợp không xác định được ngày sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày phát hiện Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung;

c) Đối với hành vi gửi Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước, gửi Điều lệ đua đến Hội đồng giám sát cuộc đua không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 30 và khoản 1 Điều 45 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày gửi

Thẻ lệ trò chơi, Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước, gửi Điều lệ đua đến Hội đồng giám sát cuộc đua;

d) Đối với hành vi thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 50 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày thực hiện thông báo thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đến cơ quan quản lý nhà nước;

đ) Đối với hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin quy định tại Điều 22, Điều 38 và Điều 53 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày gửi văn bản công bố, cung cấp thông tin;

e) Đối với hành vi vi phạm quy định về quảng cáo quy định tại khoản 3 Điều 23, khoản 3 Điều 37 và khoản 3 Điều 52 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật;

g) Đối với hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo quy định tại Điều 24, Điều 39 và Điều 54 Nghị định này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm là ngày gửi báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước theo đúng quy định của pháp luật.

4. Đối với các hành vi vi phạm hành chính ngoài các hành vi quy định tại khoản 3 Điều này, thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xử lý vi phạm hành chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 68/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2025 và Nghị định số 190/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025.

Điều 6. Thi hành biện pháp khắc phục hậu quả và xác định số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính

1. Đối với biện pháp khắc phục hậu quả buộc tái xuất, buộc tiêu hủy các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng, không đúng quy định của pháp luật được thực hiện như sau:

a) Quá thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hết thời hạn thi hành quyết định xử phạt mà biện pháp khắc phục hậu quả buộc tái xuất các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính chưa được thực hiện thì bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu

quả buộc tiêu hủy tang vật vi phạm hành chính là các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vi phạm;

b) Trường hợp chưa hết thời hạn quy định tại điểm a khoản này mà tổ chức, cá nhân vi phạm có văn bản đề nghị cơ quan có thẩm quyền áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc tiêu hủy các máy trò chơi, bàn trò chơi, thiết bị trò chơi có thưởng, đồng tiền quy ước vi phạm do không thực hiện được biện pháp khắc phục hậu quả tái xuất thì người đã ban hành quyết định xử phạt xem xét quyết định.

2. Đối với các hành vi vi phạm hành chính bị áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh bị tẩy xóa, sửa chữa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thì thực hiện như sau:

a) Nếu tại thời điểm ban hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính có áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã bị tẩy xóa, sửa chữa mà giấy phép này vẫn đang bị người có thẩm quyền tạm giữ theo quy định tại các điểm a và b khoản 1 Điều 125 Luật Xử lý vi phạm hành chính, thì trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính, người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt phải gửi văn bản đề nghị kèm theo quyết định xử phạt, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã bị tẩy xóa, sửa chữa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép đó;

b) Nếu vụ việc không thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này thì cá nhân, tổ chức vi phạm phải nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đã bị tẩy xóa, sửa chữa cho cơ quan, người có thẩm quyền đã cấp giấy phép trong thời hạn được ghi trong quyết định xử phạt vi phạm hành chính và chịu mọi chi phí cho việc thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả.

3. Số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này là vật, tiền, giấy tờ có giá hoặc tài sản khác có được từ vi phạm hành chính mà tổ chức, cá nhân đó đã thực hiện và được xác định như sau:

a) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng tiền là toàn bộ số tiền tổ chức, cá nhân thu được từ hành vi vi phạm hành chính và được tính bằng toàn bộ số tiền cá nhân, tổ chức thu được từ việc chuyển nhượng, cung cấp dịch vụ;

b) Số lợi bất hợp pháp thu được bằng giấy tờ có giá là toàn bộ giấy tờ có giá mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính;

Trường hợp giấy tờ có giá đã được chuyển nhượng thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền thực tế thu được tại thời điểm chuyển nhượng; trường hợp giấy tờ có giá đã bị tẩu tán, tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định theo giá trị sổ sách của tổ chức phát hành giấy tờ có giá tại thời điểm tẩu tán, tiêu hủy;

c) Số lợi bất hợp pháp là vật, tài sản khác mà tổ chức, cá nhân vi phạm thu được từ hành vi vi phạm hành chính là các vật, tài sản khác theo quy định của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp vật, tài sản khác không phải hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ hoặc tiêu hủy thì số lợi bất hợp pháp được xác định bằng số tiền tương đương giá trị thị trường của tài sản cùng loại hoặc xác định theo giá trị sổ sách của tài sản (nếu không có giá trị thị trường) hoặc xác định bằng giá trị tiền của tài sản ghi trên tờ khai xuất khẩu, tờ khai nhập khẩu (nếu là hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu) của tổ chức, cá nhân vi phạm sau khi trừ chi phí trực tiếp cấu thành hàng hóa căn cứ vào hồ sơ, chứng từ chứng minh tính hợp pháp, hợp lệ của các chi phí đó.

Trường hợp vật, tài sản khác là hàng cấm, hàng giả, hàng hóa nhập lậu đã được chuyển nhượng, tiêu thụ thì số lợi bất hợp pháp được xác định là tổng số tiền mà tổ chức, cá nhân nhận được khi thực hiện chuyển nhượng, tiêu thụ.

Điều 7. Chuyển hồ sơ vụ vi phạm

1. Khi phát hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 8, khoản 1 và khoản 3 Điều 9, khoản 2 Điều 10, khoản 1 Điều 11, khoản 1 và khoản 2 Điều 25, khoản 1, điểm a và b khoản 3 Điều 26, điểm b khoản 1 Điều 27, khoản 1 và khoản 2 Điều 40, khoản 1, điểm a và điểm b khoản 3 Điều 41, điểm b khoản 1 Điều 42, điểm b khoản 1 và khoản 2 Điều 58 Nghị định này nếu xét thấy hành vi có dấu hiệu tội phạm, người có thẩm quyền đang thụ lý vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi vi phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự.

2. Trường hợp cơ quan tiến hành tố tụng hình sự không truy cứu trách nhiệm hình sự thì chuyển hồ sơ vụ vi phạm đến người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 3 Điều 62 Luật Xử lý vi phạm vi hành chính để xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

Chương II**HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT, MỨC XỬ PHẠT VÀ BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ****Mục 1****HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH ĐẶT CƯỢC**

Điều 8. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 9. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh đặt cược khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kinh doanh đặt cược trong thời gian bị thu hồi hoặc bị đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh đặt cược đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 10. Hành vi vi phạm quy định về phạm vi được phép kinh doanh

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Liên kết với các đối tượng đặt cược bất hợp pháp để san sẻ rủi ro;

b) Cung cấp thông tin tỷ lệ cược mà không được doanh nghiệp kinh doanh đặt cược đồng ý hoặc ủy quyền.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh đặt cược vượt quá phạm vi được phép kinh doanh đã được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Lợi dụng kết quả sự kiện đặt cược để tham gia đặt cược hoặc tổ chức kinh doanh đặt cược trái phép mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu vi phạm lần đầu;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 và khoản 2 Điều này nếu vi phạm từ lần thứ hai trở lên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 11. Hành vi vi phạm quy định về loại hình đặt cược và sản phẩm đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh loại hình đặt cược trái với quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kinh doanh sản phẩm đặt cược trái với quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 12. Hành vi vi phạm quy định về quản lý người chơi

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi bán vé đặt cược cho các đối tượng không được phép tham gia đặt cược.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho người chơi vay tiền để tham gia đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng nếu vi phạm lần đầu; từ 12 tháng đến 24 tháng nếu vi phạm từ lần thứ hai trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 13. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi cố tình mua vé đặt cược để tham gia đặt cược khi thuộc đối tượng không được phép tham gia đặt cược theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa vé đặt cược để lĩnh thưởng.

3. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Giả mạo vé đặt cược để lĩnh thưởng;
- b) Dàn xếp làm sai lệch kết quả sự kiện đặt cược;
- c) Giả mạo kết quả trúng thưởng.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại vé đặt cược đã bị sửa chữa, tẩy xóa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Buộc nộp lại vé đặt cược giả mạo đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này để hoàn trả lại cho doanh nghiệp kinh doanh đặt cược.

Điều 14. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, công bố Điều lệ đua và Thẻ lệ đặt cược

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Gửi Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Gửi Điều lệ đua đến Hội đồng giám sát cuộc đua không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không công bố công khai Thẻ lệ đặt cược theo quy định của pháp luật;

- b) Không công bố công khai Điều lệ đua theo quy định của pháp luật;
- c) Không gửi Thẻ lệ đặt cược đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- d) Không gửi Điều lệ đua đến Hội đồng giám sát cuộc đua theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

- a) Không xây dựng và ban hành Thẻ lệ đặt cược theo quy định của pháp luật;
- b) Không xây dựng và ban hành Điều lệ đua theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 15. Hành vi vi phạm quy định về điểm bán vé đặt cược cố định

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi thiết lập các điểm bán vé đặt cược cố định không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 16. Hành vi vi phạm quy định về phương thức phân phối vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng các phương thức phân phối vé đặt cược không được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 17. Hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược và thời điểm nhận đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về thời điểm nhận đặt cược.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm quy định về tần suất tổ chức đặt cược.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 18. Hành vi vi phạm quy định về vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi phát hành vé đặt cược không đầy đủ nội dung, thông tin theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi phát hành vé đặt cược có mệnh giá thấp hơn mức đặt cược tối thiểu hoặc vượt quá mức đặt cược tối đa theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy các vé đặt cược không đúng quy định đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 19. Hành vi vi phạm quy định về đại lý bán vé đặt cược

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi ký hợp đồng làm đại lý bán vé đặt cược với các cá nhân, tổ chức không đủ điều kiện làm đại lý theo quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thanh lý hợp đồng đã ký với các cá nhân, tổ chức không đáp ứng đủ điều kiện làm đại lý bán vé đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 20. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng, tỷ lệ trả thưởng và phương thức trả thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện đúng quy định về thời gian trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Cố ý thông tin kết quả trúng thưởng sai lệch, không đúng so với biên bản xác nhận của Hội đồng giám sát cuộc đua hoặc kết luận của Trọng tài chính điều khiển trận đấu bóng đá quốc tế hoặc kết quả đã được Ban tổ chức sự kiện công bố chính thức lần đầu;

b) Thực hiện phương thức trả thưởng trái với quy định của pháp luật;

c) Xây dựng tỷ lệ trả thưởng kế hoạch thấp hơn mức tối thiểu là 65% trên doanh thu bán vé đối với từng loại hình sản phẩm đặt cược;

d) Xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thể lệ đặt cược đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1, điểm a, b và c khoản 2 Điều này;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

Điều 21. Hành vi vi phạm quy định về tổ chức đua ngựa, đua chó

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về ngựa đua, chó đua, nài ngựa và Trọng tài theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các điều kiện về tổ chức đua ngựa, đua chó theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 22. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, không chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 23. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh đặt cược khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đặt cược theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh đặt cược.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh đặt cược từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 24. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gửi báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Mục 2

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH CASINO

Điều 25. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 26. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh casino.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh casino khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kinh doanh casino trong thời gian bị thu hồi, chấm dứt kinh doanh casino, đình chỉ hoạt động kinh doanh casino có thời hạn mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Kinh doanh casino không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh casino đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 27. Hành vi vi phạm quy định về việc bố trí Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức kinh doanh casino không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép Điểm kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh casino.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh.

Điều 28. Hành vi vi phạm về thời gian hoạt động

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm tạm ngừng hoạt động kinh doanh không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm kinh doanh trở lại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh casino trong thời gian cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng kinh doanh;

b) Kinh doanh casino trong thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này

Điều 29. Hành vi vi phạm quy định về số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi và chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh vượt quá số lượng máy trò chơi, bàn trò chơi được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi, bàn trò chơi vượt quá số lượng, không đúng chủng loại, loại hình trò chơi có thưởng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 30. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng và công bố Thẻ lệ trò chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gửi Thẻ lệ trò chơi đến cơ quan quản lý nhà nước không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không gửi Thẻ lệ trò chơi đến cơ quan quản lý nhà nước theo quy định pháp luật;

b) Không công bố công khai Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Thẻ lệ trò chơi theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 31. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Sổ theo dõi, thông tin điện tử để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;

c) Không lưu trữ Sổ theo dõi, thông tin điện tử để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh đủ thời hạn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh không đúng quy định của pháp luật;

b) Không theo dõi đầy đủ các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng nếu vi phạm lần đầu; từ 12 tháng đến 24 tháng nếu vi phạm từ lần thứ hai trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 32. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

- a) Không tuân thủ Thẻ lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố;
- b) Không tuân thủ nội quy Điểm kinh doanh do doanh nghiệp công bố;
- c) Không tuân thủ các quy định quản lý nội bộ do doanh nghiệp công bố.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi có thưởng tại Điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này để hoàn trả lại cho doanh nghiệp kinh doanh casino.

Điều 33. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không đăng ký đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã đăng ký với các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Phạt tiền từ 150.000.000 đồng đến 160.000.000 đồng đối với hành vi không sử dụng tiền đồng Việt Nam để đổi đồng tiền quy ước và đổi đồng tiền quy ước ra đồng Việt Nam trong trường hợp chơi không hết hoặc trúng thưởng đối với người Việt Nam chơi tại Điểm kinh doanh.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất toàn bộ đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 34. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu thiết bị dự phòng, quản lý thiết bị dự phòng không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh máy trò chơi, bàn trò chơi không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Không có tài liệu của nhà sản xuất, cung cấp máy trò chơi, bàn trò chơi hoặc tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi, bàn trò chơi chứng minh máy trò chơi, bàn trò chơi đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Kinh doanh các máy trò chơi, bàn trò chơi có nội dung, hình ảnh văn hóa chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất toàn bộ máy trò chơi, bàn trò chơi và thiết bị trò chơi vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 35. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh và quy chế giải quyết tranh chấp

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Gửi Quy chế quản lý nội bộ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh;

c) Không công bố công khai Quy chế giải quyết tranh chấp.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Không thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;

c) Không xây dựng và ban hành Quy chế giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 36. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 120.000.000 đồng đến 130.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thể lệ trò chơi đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 37. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh casino khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh casino theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh casino.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh casino từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 38. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh casino.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 39. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gửi báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Mục 3

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KINH DOANH TRÒ CHƠI ĐIỆN TỬ CÓ THƯỞNG DÀNH CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Điều 40. Hành vi vi phạm quy định về hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi tự ý sửa chữa, tẩy xóa các tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 80.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi lập, xác nhận hồ sơ, tài liệu giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, điều chỉnh và gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài liệu bị sửa chữa, tẩy xóa, giả mạo hoặc có thông tin sai lệch, sai sự thật hoặc che giấu sự thật đối với hành vi vi phạm quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 41. Hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sửa chữa, tẩy xóa làm thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi cho thuê, cho mượn, chuyển nhượng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng hoặc văn bản của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cho phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian bị thu hồi, chấm dứt kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng, đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng có thời hạn mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng với nội dung được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh theo quy định của pháp luật;

d) Không làm thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng sau khi tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và điểm d khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đã bị tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 42. Hành vi vi phạm quy định về việc bố trí Điểm kinh doanh, khu vực bố trí Điểm kinh doanh trong cơ sở lưu trú du lịch

1. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Tổ chức kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng không đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật mà chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn trái phép Điểm kinh doanh để tổ chức hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc khôi phục Điểm kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng đầy đủ các điều kiện và theo đúng địa điểm được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

Điều 43. Hành vi vi phạm về thời gian hoạt động

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm tạm ngừng hoạt động kinh doanh không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước về thời điểm kinh doanh trở lại không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

c) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đầy đủ nội dung theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi phạm sau:

a) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian cơ quan quản lý nhà nước yêu cầu tạm ngừng kinh doanh;

b) Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng trong thời gian tạm ngừng kinh doanh đã thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 44. Hành vi vi phạm quy định về số lượng, chủng loại, loại hình trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 160.000.000 đồng đến 180.000.000 đồng đối với hành vi kinh doanh không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi tổ chức kinh doanh vượt quá số lượng máy trò chơi điện tử có thưởng được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc phải tiêu hủy hoặc tái xuất các máy trò chơi điện tử có thưởng vượt quá số lượng, không đúng chủng loại máy, loại hình trò chơi điện tử có thưởng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Điều 45. Hành vi vi phạm quy định về xây dựng, gửi và công bố Thẻ lệ trò chơi

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi gửi Thẻ lệ trò chơi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Không gửi Thẻ lệ trò chơi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

b) Không niêm yết và phát hành tờ rơi công khai Thẻ lệ trò chơi tại Điểm kinh doanh.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng Thẻ lệ trò chơi theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 46. Hành vi vi phạm quy định về theo dõi, quản lý đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để kiểm soát các đối tượng được ra, vào Điểm kinh doanh;

b) Sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh không đầy đủ các nội dung theo quy định của pháp luật;

c) Không lưu trữ sổ theo dõi để kiểm soát các đối tượng được phép chơi tại Điểm kinh doanh đủ thời hạn tối thiểu theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Cho phép đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh không đúng quy định của pháp luật;

b) Không theo dõi đầy đủ các đối tượng ra, vào Điểm kinh doanh.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng nếu vi phạm lần đầu; từ 12 tháng đến 24 tháng nếu vi phạm từ lần thứ hai trở lên đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc mở sổ theo dõi hoặc cấp thẻ điện tử để theo dõi, quản lý đầy đủ đối tượng được phép chơi và ra, vào Điểm kinh doanh đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này.

Điều 47. Hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của người chơi

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân vi phạm một trong các hành vi sau:

- a) Không tuân thủ Thẻ lệ trò chơi do doanh nghiệp công bố;
- b) Không tuân thủ nội quy Điểm kinh doanh do doanh nghiệp công bố;
- c) Không tuân thủ các quy định quản lý nội bộ do doanh nghiệp công bố.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi gian lận trong quá trình tham gia các trò chơi điện tử có thưởng tại Điểm kinh doanh.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này để hoàn trả lại cho doanh nghiệp kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

Điều 48. Hành vi vi phạm quy định về quản lý đồng tiền quy ước

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi không thông báo bằng văn bản về mẫu mã, số lượng, chủng loại đồng tiền quy ước với cơ quan quản lý nhà nước theo quy định.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi sử dụng đồng tiền quy ước của doanh nghiệp khác hoặc không đúng với đồng tiền quy ước đã thông báo với các cơ quan quản lý nhà nước.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất toàn bộ đồng tiền quy ước đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 49. Hành vi vi phạm quy định về quản lý máy, thiết bị trò chơi điện tử có thưởng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi không mở sổ quản lý máy trò chơi điện tử có thưởng.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi nhập khẩu máy, thiết bị dự phòng, quản lý máy, thiết bị dự phòng không đúng quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau:

a) Kinh doanh máy trò chơi điện tử có thưởng không đáp ứng đủ các điều kiện, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật;

b) Không có tài liệu của nhà sản xuất máy trò chơi điện tử có thưởng hoặc tổ chức kiểm định độc lập máy trò chơi điện tử có thưởng chứng minh máy trò chơi điện tử có thưởng đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Kinh doanh các máy trò chơi điện tử có thưởng và các thiết bị trò chơi có nội dung, hình ảnh văn hóa chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thẩm định cho phép phổ biến, lưu hành theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

b) Buộc tiêu hủy hoặc tái xuất toàn bộ máy trò chơi điện tử có thưởng, thiết bị trò chơi vi phạm đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 50. Hành vi vi phạm quy định về kiểm soát nội bộ, người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh và Quy chế giải quyết tranh chấp

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Gửi Quy chế quản lý nội bộ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật;

b) Thông báo đến cơ quan quản lý nhà nước không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật khi thay đổi người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh;

c) Không niêm yết công khai Quy chế giải quyết tranh chấp tại Điểm kinh doanh hoặc không phát hành tờ rơi Quy chế giải quyết tranh chấp cho người chơi.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không xây dựng và ban hành Quy chế quản lý nội bộ theo quy định của pháp luật;

b) Không thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ theo quy định của pháp luật;

c) Không xây dựng và ban hành Quy chế giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh không đáp ứng đầy đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc thành lập bộ phận kiểm soát nội bộ và bố trí người quản lý, điều hành Điểm kinh doanh đáp ứng đầy đủ điều kiện theo đúng quy định đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại điểm b khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 51. Hành vi vi phạm quy định về trả thưởng và xác nhận tiền trúng thưởng

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi cố tình kéo dài thời gian trả thưởng cho người chơi mà không có lý do chính đáng.

2. Phạt tiền từ 90.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 03 tháng đến 06 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc thực hiện trả thưởng cho người chơi theo đúng quy định tại Thể lệ trò chơi đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Buộc thu hồi giấy xác nhận tiền trúng thưởng không đúng đối tượng trúng thưởng hoặc không đúng với giá trị trúng thưởng thực tế đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 52. Hành vi vi phạm quy định về giảm giá, khuyến mại, quảng cáo và chế độ quản lý tài chính

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm các quy định về giảm giá, khuyến mại theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 70.000.000 đồng đối với hành vi vi phạm về chế độ quản lý tài chính do cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền ban hành.

3. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 80.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quảng cáo hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng khi chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp phép kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng theo quy định của pháp luật;

b) Nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng từ 01 tháng đến 02 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 1 và điểm b khoản 3 Điều này.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tháo dỡ nội dung và hình thức quảng cáo không đúng quy định pháp luật đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 53. Hành vi vi phạm quy định về công bố, cung cấp thông tin

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi công bố, cung cấp thông tin không đầy đủ, chính xác theo quy định của pháp luật về kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc cải chính thông tin đã công bố, cung cấp đầy đủ, chính xác thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 54. Hành vi vi phạm quy định về chế độ báo cáo

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi gửi không đủ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi gửi báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với hành vi cung cấp thông tin, số liệu không đầy đủ, không chính xác trong báo cáo gửi cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc gửi báo cáo, cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, chính xác cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại Điều này.

Mục 4

HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN; PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ KHỦNG BỐ; PHÒNG, CHỐNG TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

Điều 55. Hành vi vi phạm quy định về nhận biết khách hàng, về đánh giá rủi ro, về phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro và vi phạm quy định liên quan đến khách hàng nước ngoài là cá nhân có ảnh hưởng chính trị

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau đây:

a) Không nhận biết khách hàng; không cập nhật, không xác minh thông tin nhận biết khách hàng; cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Không cập nhật danh sách đen;

c) Không thực hiện đánh giá, không cập nhật kết quả đánh giá rủi ro rửa

tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật;

d) Không báo cáo kết quả đánh giá, cập nhật rủi ro hoặc không phổ biến kết quả đánh giá hoặc cập nhật rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với hành vi không xây dựng và ban hành quy trình quản lý rủi ro; không phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro; phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro không đúng quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện các quy định liên quan đến khách hàng là cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị theo quy định của Luật Phòng, chống rửa tiền.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh từ 01 tháng đến 03 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 56. Hành vi vi phạm quy định về quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ trong việc thực hiện kiểm soát, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

b) Không áp dụng quy định nội bộ về phân công hoặc không đăng ký phân công cán bộ, bộ phận chịu trách nhiệm về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

c) Không áp dụng hoặc áp dụng không đúng quy định nội bộ về đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với hành vi không ban hành quy định nội bộ hoặc ban hành quy định nội bộ không đúng quy

định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

Điều 57. Hành vi vi phạm quy định về báo cáo giao dịch có giá trị lớn, giao dịch đáng ngờ, báo cáo hành vi nghi ngờ rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, về trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong hoặc tạm giữ tài sản, về lưu trữ, cung cấp và bảo đảm bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo

1. Phạt tiền từ 60.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Gửi báo cáo không đúng thời hạn hoặc không đầy đủ, chính xác đối với báo cáo giao dịch có giá trị lớn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

b) Gửi báo cáo không đầy đủ thông tin theo quy định của pháp luật đối với báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không cung cấp kịp thời thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

d) Không lưu trữ hoặc lưu trữ không đầy đủ thông tin, hồ sơ, tài liệu báo cáo; lưu trữ thông tin, hồ sơ, tài liệu không đúng thời hạn theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

đ) Không tuân thủ quy định về bảo mật thông tin nhận biết khách hàng đối với thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo liên quan đến các giao dịch báo cáo theo quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống khủng bố, phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

2. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo;

b) Không báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Không báo cáo khi có nghi ngờ khách hàng hoặc giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

hoặc khách hàng nằm trong danh sách đen, danh sách bị chỉ định theo quy định của pháp luật về phòng, chống khủng bố, pháp luật về phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt;

d) Không báo cáo việc trì hoãn giao dịch theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

đ) Không báo cáo ngay khi thực hiện việc tạm dừng lưu thông, phong toả tiền, tài sản liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch theo quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố;

b) Không phong toả tài khoản, không áp dụng biện pháp niêm phong, phong toả hoặc tạm giữ tài sản khi có quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

c) Không thực hiện tạm dừng lưu thông, phong toả tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí huỷ diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

4. Hình thức xử phạt bổ sung:

Đình chỉ hoạt động kinh doanh từ 06 tháng đến 12 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 58. Hành vi vi phạm quy định về các hành vi bị cấm trong phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố

1. Phạt tiền từ 130.000.000 đồng đến 150.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thiết lập hoặc duy trì tài khoản vô danh hoặc tài khoản sử dụng tên giả;

b) Cung cấp trái phép dịch vụ nhận tiền mặt, séc, công cụ tiền tệ khác và thực hiện thanh toán cho người thụ hưởng mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Phạt tiền từ 180.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng đối với một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức, tham gia hoặc tạo điều kiện, trợ giúp thực hiện hành vi rửa tiền mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

b) Không tổ giác hành vi tài trợ khủng bố mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

c) Trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp tiền, tài sản, nguồn tài chính, nguồn lực kinh tế, dịch vụ tài chính hoặc dịch vụ khác cho tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự;

d) Cản trở việc cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, phòng, chống tài trợ khủng bố mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Hình thức xử phạt bổ sung

Đình chỉ hoạt động kinh doanh từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi vi phạm hành chính quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương III

THẨM QUYỀN XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH, ÁP DỤNG BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ

Điều 59. Thẩm quyền của Công an nhân dân

1. Chiến sĩ Công an nhân dân đang thi hành công vụ có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 20.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 40.000.000 đồng.

2. Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp đại đội có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến 40.000.000 đồng;

c) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 80.000.000 đồng;

d) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

3. Trưởng đồn Công an, Thủ trưởng đơn vị Cảnh sát cơ động cấp tiểu đoàn, Thủy đội trưởng, Trưởng trạm, Đội trưởng có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 60.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính có giá trị đến 120.000.000 đồng;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại điểm e khoản 1 Điều 28 Luật Xử lý vi phạm hành chính.

4. Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

5. Trưởng Công an cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh nội địa gồm: Trưởng phòng An ninh Công giáo, Trưởng phòng An ninh tôn giáo khác, Trưởng phòng An ninh dân tộc, Trưởng phòng Chống phản động, Trưởng phòng Chống khủng bố, Trưởng phòng An ninh xã hội; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh chính trị nội bộ gồm: Trưởng phòng Bảo vệ nội bộ các cơ quan Đảng, Nhà nước Trung ương, Trưởng phòng An ninh các cơ quan tư pháp, xây dựng pháp luật, tổ chức chính trị - xã hội Trung ương, Trưởng phòng An ninh báo chí, xuất bản, Trưởng phòng An ninh y tế, giáo dục, Trưởng phòng An ninh văn hóa, thể thao và lao động xã hội, Trưởng phòng An ninh bưu chính, viễn thông và công nghệ thông tin, Trưởng phòng Quản lý nhà nước về bảo vệ bí mật Nhà nước; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh kinh tế gồm: Trưởng phòng An ninh công thương, Trưởng phòng An ninh tiền tệ, Trưởng phòng An ninh giao thông, xây dựng, Trưởng phòng An ninh tài chính, đầu tư, Trưởng phòng An ninh nông, lâm, ngư nghiệp, Trưởng phòng An ninh khoa học, công nghệ và tài nguyên, môi trường; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội gồm:

Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo,
 Trưởng phòng Hướng dẫn, quản lý các ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều
 kiện về an ninh, trật tự và con dấu, Trưởng phòng Hướng dẫn Cảnh sát khu vực,
 Cảnh sát trật tự và Cảnh sát phản ứng nhanh, Giám đốc Trung tâm dữ liệu quốc
 gia về dân cư; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát giao thông gồm:
 Trưởng phòng Quản lý, khai thác, xử lý, vận hành dữ liệu và chuyển đổi số,
 Trưởng phòng Hướng dẫn tuyên truyền, điều tra, giải quyết tai nạn giao thông,
 Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện, Trưởng phòng
 Hướng dẫn, đào tạo, sát hạch, quản lý giấy phép của người điều khiển phương
 tiện giao thông, Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát giao thông đường
 bộ, đường sắt, Trưởng phòng Hướng dẫn điều khiển giao thông và dẫn đoàn,
 Trưởng phòng Hướng dẫn tuần tra, kiểm soát và đấu tranh phòng, chống tội
 phạm trên đường thủy, Thủy đoàn trưởng; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục
 Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ gồm: Trưởng phòng Công
 tác phòng cháy, Trưởng phòng Thẩm duyệt về phòng cháy, chữa cháy, Trưởng
 phòng Công tác chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng Quản lý khoa học
 - công nghệ và kiểm định phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu
 hộ; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục An ninh mạng gồm: Trưởng phòng
 Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm trật tự quản lý kinh
 tế, Trưởng phòng Phòng, chống tội phạm sử dụng không gian mạng xâm phạm
 trật tự xã hội, Trưởng phòng An ninh thông tin mạng, Trưởng phòng Bảo vệ an
 ninh hệ thống mạng thông tin quốc gia, Trưởng phòng Giám sát thông tin mạng
 và phòng, chống hoạt động sử dụng không gian mạng xâm phạm an ninh quốc
 gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục quản lý xuất nhập cảnh gồm: Trưởng
 phòng Quản lý nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài, Trưởng
 phòng Quản lý xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam, Giám đốc Trung
 tâm An ninh hàng không quốc gia; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục Cảnh sát
 điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu gồm: Trưởng phòng Phòng
 ngừa, điều tra án kinh tế, tham nhũng trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, đầu
 tư; Trưởng phòng Phòng ngừa, điều tra án buôn lậu và sản xuất, buôn bán hàng
 xâm phạm sở hữu trí tuệ; Trưởng phòng Công an cấp tỉnh gồm: Trưởng phòng
 An ninh nội địa, Trưởng phòng An ninh chính trị nội bộ, Trưởng phòng Cảnh sát
 quản lý hành chính về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm
 về trật tự xã hội, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh
 tế, buôn lậu, môi trường, Trưởng phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy,
 Trưởng phòng Cảnh sát giao thông, Trưởng phòng Cảnh sát cơ động, Trưởng
 phòng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp, Trưởng phòng Cảnh sát
 phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Trưởng phòng An ninh mạng,

Trưởng phòng An ninh kinh tế, Trưởng phòng An ninh đối ngoại, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 160.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

6. Giám đốc Công an cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
- đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

7. Cục trưởng Cục An ninh chính trị nội bộ, Cục trưởng Cục An ninh kinh tế, Chánh Văn phòng Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về trật tự xã hội, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về tham nhũng, kinh tế, buôn lậu, Cục trưởng Cục Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ, Cục trưởng Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Cục trưởng Cục An ninh mạng, Cục trưởng Cục An ninh nội địa, Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng, Tư lệnh Cảnh sát cơ động có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 60. Thẩm quyền của Giám đốc Sở Tài chính và Chủ tịch Ủy ban nhân dân

1. Giám đốc Sở Tài chính có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 160.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

- a) Phạt cảnh cáo;
- b) Phạt tiền đến 100.000.000 đồng;
- c) Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
- d) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;

đ) Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 61. Thẩm quyền của cơ quan thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng

Trưởng đoàn kiểm tra do Bộ trưởng Bộ Tài chính thành lập, Thủ trưởng tổ chức thuộc Bộ Tài chính được giao thực hiện nhiệm vụ kiểm tra trong phạm

vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính có thẩm quyền xử phạt đối với hành vi vi phạm tại Chương II Nghị định này, cụ thể:

1. Phạt cảnh cáo;
2. Phạt tiền đến 200.000.000 đồng;
3. Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính;
4. Đình chỉ hoạt động kinh doanh có thời hạn;
5. Áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này.

Điều 62. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính

Người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính quy định từ Điều 59 đến Điều 61 Nghị định này trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Công chức, viên chức trong các cơ quan quy định tại Điều 60 và Điều 61 Nghị định này trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Người thuộc lực lượng Công an nhân dân quy định tại Điều 59 Nghị định này trong khi thi hành công vụ, nhiệm vụ mà phát hiện hành vi vi phạm hành chính có quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 63. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày 05 tháng 12 năm 2026.
2. Nghị định này thay thế Nghị định số 137/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đặt cược và trò chơi có thưởng.

Điều 64. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với hành vi vi phạm đã xảy ra và kết thúc trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét giải quyết thì áp dụng xử phạt theo quy định của Nghị định đang có hiệu lực tại thời điểm thực hiện hành vi vi phạm.

2. Đối với hành vi vi phạm xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực nhưng vẫn đang diễn ra khi Nghị định này đã có hiệu lực thì áp dụng quy định của Nghị định này để xử lý.

Điều 65. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ, Cục, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2). 15

TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



(Signature)
Nguyễn Văn Thắng